

Thứ tư, ngày 16 tháng 10 năm 2019

Vietnam Daily Review

Phiên hồi phục

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 17/10/2019		●	
Tuần 14/10-18/10/2019		●	
Tháng 10/2019		●	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thừa hưởng từ diễn biến tích cực của TTCK Mỹ tối qua, Vn-Index chứng kiến đà hồi phục khi lực mua gia tăng tại các mã VNM, VCB, SAB. Đến phiên chiều, chỉ số vẫn duy trì được sắc xanh mặc dù áp lực từ bộ đôi nhà Vín là VIC và VHM là không nhỏ. Thanh khoản vẫn giữ ở mức trung bình. Nhìn chung, thông tin kết quả kinh doanh quý III của các doanh nghiệp là yếu tố chính tạo nên sự phân hóa mạnh trên thị trường khi các ngành Ngân hàng, Bán lẻ, Cao su,... ghi nhận kết quả khả quan. Ngoài ra, nhiều khả năng thị trường sẽ biến động trong ngày mai khi HĐTL VN30F1910 đáo hạn.

Hợp đồng tương lai: Hầu hết các HĐTL đều giảm, trái chiều với chỉ số cơ sở. Hợp đồng VN30F1910 sẽ đáo hạn vào ngày mai, và có thể tác động mạnh tới diễn biến chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 910 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 16/10/2019, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch giảm nhẹ. VNM vận động tăng mạnh, kiểm tra ngưỡng 130, sau khi tích lũy tại vùng 126-129. Thanh khoản tăng tích cực những phiên gần đây và các chỉ báo kỹ thuật cũng cho thấy tín hiệu tăng ngắn hạn. Vận động tăng của VNM có thể tạo động lực tăng lên giá chứng quyền của cổ phiếu này trong những phiên tới.

Cập nhật iBroker: FPT, CTI, CSV, VHC, ANV.

Danh mục i-Invest: Theme Dầu khí 0.4%. 9/17 danh mục Chủ đề đều có hiệu suất trong ngày Khả quan, trong đó 5/17 danh mục có hiệu suất tốt hơn VNINDEX (0.1%). Đặc biệt, danh mục **Dầu khí** - kỳ vọng giá dầu hồi phục và các dự án lớn của ngành được triển khai - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.4%**.

Phân tích kỹ thuật: PNJ_Tăng giá (Trang 3)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo như dự báo của BSC bao gồm: **TCM, KDH, TNG, TCB, BID**

Điểm nhấn

- VN-Index **+1.41 điểm**, đóng cửa 994.46. HNX-Index **-0.08 điểm**, đóng cửa 105.93.
- Kéo chỉ số tăng: **VNM (+1.09); VCB (+0.99); POW (+0.25); CTG (+0.22); TCB (+0.21).**
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-0.39); BID (-0.25); PLX (-0.17); SAB (-0.15); MSN (-0.14).**
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **2,859 tỷ đồng**, **+6.4%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 3.99 điểm. Thị trường có 134 mã tăng, 72 mã giảm và 172 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **70.97 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm VIC (81.62 tỷ), VHM (26.65 tỷ) và POW (18.69 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **0.92 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

994.46

Giá trị: 2859.14 tỷ

1.41 (0.14%)

Khối ngoại (ròng): -70.97 tỷ

HNX-INDEX

105.93

Giá trị: 242.41 tỷ

-0.08 (-0.08%)

Khối ngoại (ròng): -0.92 tỷ

UPCOM-INDEX

56.47

Giá trị: 361.59 tỷ

-0.29 (-0.51%)

Khối ngoại(ròng): 8.27 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	52.7	-0.15%
Giá vàng	1,484	0.20%
Tỷ giá USD/VND	23,204	0.01%
Tỷ giá EUR/VND	25,589	0.07%
Tỷ giá JPY/VND	21,350	0.17%
LS liên NH 1 tháng	2.6%	6.18%
LS TPCP 5 năm	2.8%	-4.05%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
NVL	27.0	VRE	33.0
VIC	17.8	ROS	25.6
VCB	14.9	HDB	22.8
VNM	13.7	VJC	14.5
BID	11.2	HPG	7.2

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Tín hiệu hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* **9/17 danh mục** Chủ đề đều có hiệu suất trong ngày Khả quan, trong đó 5/17 danh mục có hiệu suất tốt hơn VNINDEX (0.1%). Đặc biệt, danh mục **Dầu khí** - kỳ vọng giá dầu hồi phục và các dự án lớn của ngành được triển khai - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.4%**.

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** tiếp tục có hiệu suất thể hiện tính an toàn hơn thị trường chung:

- **18/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất tuần **khả quan**

- **5/7 danh mục** Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất tuần **khả quan**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Dầu khí_0.4%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề						
Dầu khí	0.4%	0.7%	-3.6%	-7.2%	-4.6%	-6.5%	6.9%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	0.3%	1.9%	5.8%	6.9%	5.6%	2.8%	39.1%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.3%	0.2%	-0.8%	-4.6%	-0.9%	14.7%	46.5%
Hàng tiêu dùng	0.2%	1.2%	1.5%	8.0%	9.7%	11.7%	64.2%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.2%	0.5%	-1.2%	1.5%	0.1%	8.5%	78.1%
Ngân hàng	0.1%	2.1%	6.7%	11.9%	12.9%	12.8%	85.8%
Chiến tranh thương mại	0.1%	0.3%	-1.0%	-7.0%	-5.0%	-1.5%	5.9%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	0.0%	0.6%	0.9%	9.9%	14.0%	15.4%	90.1%
Bảo hiểm & Chứng khoán	0.0%	2.0%	2.2%	-7.7%	-10.3%	-13.0%	43.1%
Xây dựng & Vật liệu XD	0.0%	0.3%	1.7%	0.8%	-2.2%	-4.7%	-5.7%
Nước & Năng lượng	-0.1%	-0.9%	-1.8%	-3.8%	0.0%	10.6%	54.3%
Vật liệu Xây dựng	-0.1%	-0.7%	1.1%	1.8%	3.7%	4.1%	4.3%
Top 10 cổ phiếu VN30	-0.1%	0.9%	2.6%	6.0%	8.2%	9.3%	70.3%
Cổ phiếu hết room ngoại	-0.2%	0.3%	1.2%	8.0%	11.5%	7.5%	78.3%
BĐS & Khu công nghiệp	-0.4%	-0.8%	-2.7%	1.3%	2.4%	5.1%	57.5%
Lãi suất giảm	-0.6%	-0.1%	1.9%	-0.8%	0.1%	6.1%	53.2%
Xây dựng	-1.4%	-1.5%	-0.5%	-2.0%	-6.7%	-7.8%	25.7%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 13	0.4%	0.9%	2.7%	4.8%	5.4%	6.5%	32.1%
Danh mục 11	0.4%	0.6%	1.0%	0.2%	-0.7%	-2.8%	79.9%
Danh mục 2	0.2%	1.0%	1.5%	8.1%	7.0%	9.4%	77.9%
Danh mục 9	-0.3%	0.4%	-0.4%	5.7%	9.9%	8.6%	55.5%
Danh mục 4	-0.4%	0.5%	2.6%	3.7%	8.0%	-5.4%	21.5%

* Note
18/18 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất tuần khả quan

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 24	0.3%	0.8%	0.8%	5.2%	12.0%	7.3%	65.8%
Danh mục 19	0.1%	1.0%	3.8%	10.4%	13.7%	18.2%	62.9%
Danh mục 23	0.0%	1.0%	2.9%	3.6%	4.1%	7.4%	106.2%
Danh mục 25	-0.2%	-0.3%	-0.1%	3.0%	11.3%	23.1%	157.9%
Danh mục 22	-0.2%	1.2%	1.1%	13.2%	18.4%	12.4%	77.0%

* Note
5/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất tuần khả quan

INDEX							
VNINDEX	0.1%	0.7%	-0.2%	1.9%	2.3%	5.1%	44.7%
VN30INDEX	0.1%	1.1%	1.3%	6.2%	4.4%	0.5%	39.3%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

BSC RESEARCH

10/16/2019

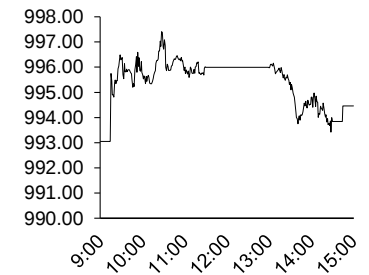
Vietnam Daily Review

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

Hình 1

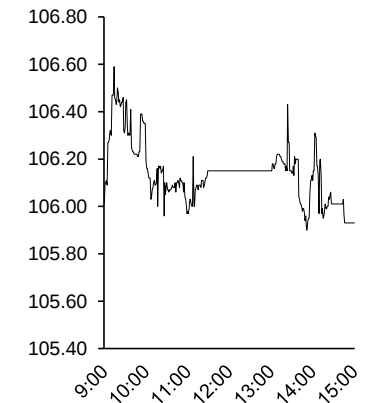
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Dầu khí	-0.8%
Truyền thông	-0.6%
Xây dựng và Vật liệu	-0.6%
Tài nguyên Cơ bản	-0.5%
Bất động sản	-0.5%
Bảo hiểm	-0.4%
Công nghệ Thông tin	-0.4%
Y tế	-0.3%
Dịch vụ tài chính	-0.3%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.3%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.1%
Bán lẻ	0.2%
Hóa chất	0.2%
Ô tô và phụ tùng	0.4%
Thực phẩm và đồ uống	0.5%
Du lịch và Giải trí	0.7%
Ngân hàng	0.7%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.8%
Viễn thông	9.9%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

PNJ_Tăng giá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Hồi phục
- Chỉ báo xu hướng MACD: Hội tụ âm.
- Chỉ báo RSI: Vùng trung lập, phá kênh Bollinger trên.

Nhận định: Cổ phiếu PNJ đang tạo thành xu hướng tăng giá sau khi hình thành mô hình 2 đáy tại ngưỡng giá 78. Thanh khoản cổ phiếu đã vượt lên ngưỡng trung bình 20 phiên và đồng thuận với đà tăng của bước giá, cho thấy động lực tăng giá đã hình thành. Chỉ báo RSI cho thấy tín hiệu tăng giá mạnh trong khi chỉ báo MACD đang báo hiệu xu hướng tích lũy ngắn hạn. Đường giá cổ phiếu cũng đã vượt lên dải mây Ichimoku, cho thấy động lực tăng trong trung hạn đã hình thành. Như vậy, PNJ có thể tăng giá trở về vùng kháng cự 90-95 trong các phiên giao dịch tới.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Phân tích cơ bản về cổ phiếu

Dự báo KQKD

BSC dự báo KQKD 2019 với doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt đạt 16,180 tỷ đồng (+10.2% yoy) và 1,193 tỷ đồng (+24% yoy), EPS cốt lõi FW 2019 = 5,089 đồng/cp, PE FW 2019 = 15.1 lần dựa trên các giả định (1) Biên lợi nhuận gộp năm 2019 ước đạt 21.6%, (2) SSSG cửa chuỗi vàng trang sức năm 2019 và 2020 lần lượt là 5% và 12% và (3) Số lượng cửa hàng mở mới dự kiến trong năm 2019 là 40 cửa hàng. BSC lưu ý nhà đầu tư nên theo dõi chặt chẽ ba yếu tố sau: (1) Tốc độ và hiệu quả của việc mở rộng cửa hàng mở mới, (2) Hiệu quả của việc ứng dụng ERP mới và (3) Độ phục hồi của sức mua thị trường tiêu dùng để có thể đánh giá tiềm năng tăng trưởng tương lai của PNJ.

Luận điểm đầu tư

Tăng trưởng doanh thu cửa hàng cũ (SSSG) của mảng vàng trang sức dự kiến sẽ phục hồi từ mức giả định 5% lên mức 12% trong các năm tiếp theo. Biên lợi nhuận gộp tiếp tục cải thiện nhờ vào (1) tỷ trọng đóng góp mảng vàng trang sức tiếp tục tăng, (2) Tập trung vào các sản phẩm giá trị lớn (Kim cương và đá màu)

Chi tiết tham khảo BSC - iBroker: Express PNJ 2019Q4

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

TCM_Tín hiệu tích cực

[Link](#)

KDH_Bứt phá

[Link](#)

TNG_Hồi phục

[Link](#)

TCB_Tín hiệu tích cực

[Link](#)

BID_Tiến về vùng đỉnh cũ

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 16/10/2019

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 16/10	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	53.02	0.07%	1.44%	-15.12%	-25.76%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	58.91	-0.72%	1.66%	-14.22%	-27.27%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	1.62	0.35%	2.25%	-7.75%	-18.25%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1483.08	-0.73%	-0.86%	-0.37%	21.92%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	17.43	-1.28%	-0.68%	-1.46%	20.13%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	931.15	-0.88%	1.80%	4.12%	5.91%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	509.75	-0.24%	1.90%	4.30%	-2.63%		AFX
Sữa	USD /cwt	18.59	-0.27%	0.60%	1.36%	19.17%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	150.60	-0.26%	0.74%	-13.20%	-3.89%	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	12.56	0.32%	-0.48%	11.81%	-6.42%	SBT, LSS	VNM, GTN
Chè	USD/kg	3.14	0.00%	1.62%	-1.26%	-4.56%	GTN, DLG	DLG
Cà phê	UScent/lb	94.55	-0.32%	-1.36%	-6.35%	-19.76%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	2.59	-0.90%	1.78%	-0.45%	-5.82%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3650.00	0.14%	0.03%	-4.45%	-19.09%	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1720.00	-0.12%	-1.49%	-4.07%	-15.44%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	91.50	1.11%	-1.61%	-5.18%	30.71%	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	68.06	-0.54%	-1.41%	-5.34%	-37.02%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Chốt phiên giao dịch đêm qua, dầu thô Brent kỳ hạn tháng 12 giảm 61 US cent hay 1% xuống 58.74 USD/thùng, trong khi dầu thô Tây Texas WTI kỳ hạn tháng 11 giảm 78 US cent hay 1.5% xuống 52.81 USD/thùng.
- Dầu giảm do các nhà đầu tư lo lắng cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung Quốc sẽ siết chặt kinh tế toàn cầu và tồn kho dầu thô của Mỹ lớn cũng gây áp lực lên giá. Tuy nhiên, đã giảm bị giới hạn bởi lạc quan về khả năng thỏa thuận Brexit và những dấu hiệu của OPEC rằng tiếp tục hạn chế nguồn cung là có thể.

Giá vàng

- Vàng giao ngay trên sàn LBMA giảm 0.8% xuống 1,481.40 USD/ounce và vàng kỳ hạn tháng 12/2019 trên sàn New York giảm 0.9% xuống 1,483.5 USD/ounce.
- Vàng giảm do nhu cầu tài sản rủi ro tăng lên đã thúc đẩy nhà đầu tư chuyển sang cổ phiếu. Chứng khoán châu Âu đã leo lên mức cao nhất trong hai tuần khi các nhà đầu tư hưởng ứng bình luận Brexit của nhà đàm phán EU rằng một thỏa thuận với Anh vẫn có thể xảy ra trong tuần này.

Giá quặng sắt

- Hợp đồng quặng sắt trên sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên giảm 1.2% xuống 644 CNY (91.05 USD)/tấn. Quặng sắt tại Trung Quốc, nước nhập khẩu nguyên liệu thô này lớn nhất thế giới, đạt mức thấp nhất gần 3 tuần sau khi công ty khai mỏ Vale SA của Brazil báo cáo sản lượng tăng trong quý 3/2019. Nguồn cung quặng sắt đang cải thiện từ Brazil và Australia đã thúc đẩy dự trữ ở Trung Quốc lên mức cao nhất 5 tháng tại 129.95 triệu tấn.
- Lo ngại về nhu cầu quặng sắt đang chậm lại tại Trung Quốc (nơi chiếm khoảng một nửa sản lượng thép thế giới) do những nỗ lực mới để hạn chế ô nhiễm môi trường bằng cách giảm hoạt động của các nhà máy thép tại một số khu vực.
- Thép thanh xây dựng trên sàn giao dịch kỳ hạn Thượng Hải giảm 1.7% xuống 3,346 CNY/tấn. Thép cuộn cán nóng giảm 1.3% xuống 3,331 CNY/tấn. Giá thép tiếp tục sụt giảm sau khi số liệu công nghiệp mới phát hành cho thấy doanh số bán ô tô tại Trung Quốc giảm tháng thứ 15 liên tiếp trong tháng 9/2019, làm giảm hy vọng về sự thay đổi trong nửa cuối năm.

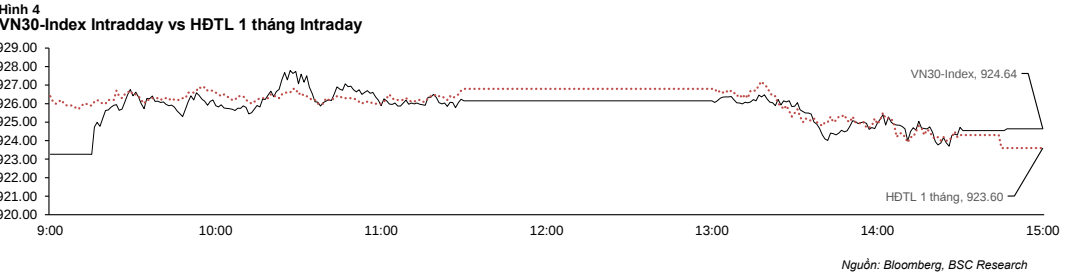
Giá nông sản

- Giá đường thô kỳ hạn tháng 3/2020 trên sàn ICE tăng 0.07 US cent hay 0.56% lên 12.59 US cent/lb. Đường trắng kỳ hạn tháng 12/2019 tăng 2.4 USD hay 0.7% lên 347.6 USD/tấn. Đồng real của Brazil mạnh so với USD, không khuyến khích các nhà xuất khẩu tại Brazil, quốc gia sản xuất đường hàng đầu thế giới bán các hàng hóa định giá bằng USD như đường. Ngoài ra, đã tăng của giá đường bị hạn chế bởi các nhà sản xuất hiện có dự trữ lớn trong 2 năm qua đang bán đường ra mỗi khi có đợt tăng giá do thị trường dư thừa.

Giá cao su

- Hợp đồng cao su TOCOM kỳ hạn tháng 3/2020 đóng cửa tăng 0.1 JPY lên 163.5 JPY/kg. Cao su kỳ hạn tháng 1/2029 trên sàn giao dịch kỳ hạn Thượng Hải giảm 135 CNY (19.08 USD), đóng cửa tại 11,530 CNY/tấn. Giá cao su trên sàn giao dịch hàng hóa Tokyo (TOCOM) tăng nhẹ bất chấp giá giảm tại Thượng Hải.

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Điểm	%	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F1910	923.60	-0.06%	-1.04	-0.9%	52186	10/17/2019	3
VN30F1911	924.50	-0.11%	-0.14	121.2%	4753	11/21/2019	38
VN30F1912	922.90	-0.02%	-1.74	47.4%	28	12/19/2019	66
VN30F2003	923.00	0.00%	-1.64	0.0%	24	3/19/2020	157

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng nhẹ 1.37 điểm lên mức 924.64 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VNM, TCB, PNJ, VCB, và CTG tác động mạnh đến vận động tăng điểm của VN30. VN30 tăng tích cực từ đầu phiên, trước khi tích lũy quanh vùng 926-927 điểm. Sang phiên chiều, VN30 điều chỉnh giảm, tích lũy tại vùng 924-925 điểm. Thanh khoản duy trì mức tăng nhẹ so với phiên trước cho thấy tâm lý cân trọng vẫn đang chủ đạo hoạt động giao dịch khi chỉ số ngày càng tiếp cận 927 điểm. Các chỉ báo động lượng tiếp tục cho thấy tín hiệu tăng ngắn hạn. Hợp đồng VN30F1910 sẽ đáo hạn vào ngày mai, và có thể tác động mạnh tới diễn biến chỉ số cơ sở.

- Hầu hết các HDTL đều giảm, trái chiều với chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F1910, các hợp đồng khác đều tăng. Điều này báo hiệu điều chỉnh giảm trong trung hạn tới dài hạn. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 910 điểm cho các hợp đồng dài hạn

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CVNM1901	KIS	12/13/2020	424	10:1	508,850	-48.8%	5.0 triệu	18.87%	1,200	600	5.26%	2.00	300.00
CVNM1902	KIS	3/26/2020	162	10:1	9,980	1008.9%	5.0 triệu	18.87%	1,900	2,830	3.66%	3,232.00	0.88
CFPT1903	SSI	12/30/2019	75	1:1	14,010	-23.9%	2.0 triệu	20.21%	6,000	14,200	2.90%	12,807.60	1.11
CMWG1904	SSI	12/30/2019	75	1:1	12,230	-54.5%	1.0 triệu	20.37%	14,000	38,800	1.12%	35,974.40	1.08
CHPG1905	SSI	12/30/2019	75	1:1	50,580	87.0%	1.0 triệu	28.43%	3,300	1,850	0.54%	516.40	3.58
CNVL1901	KIS	2/7/2020	114	4:1	40,450	898.8%	5.0 triệu	20.01%	1,900	2,570	0.39%	794.80	3.23
CMWG1905	VCSC	12/9/2019	54	5:1	12,930	32225.0%	1.5 triệu	20.37%	5,600	7,020	0.29%	6,351.70	1.11
CMWG1903	HSC	12/30/2019	75	5:1	28,760	-52.2%	2.0 triệu	20.37%	2,700	6,600	0.00%	6,195.20	1.07
CMBB1902	HSC	12/17/2019	62	1:1	128,160	166.0%	1.0 triệu	17.16%	3,200	4,380	0.00%	1,794.10	2.44
CMWG1902	VND	12/11/2019	56	4:1	35,190	-66.5%	2.4 triệu	20.37%	2,990	9,200	-0.11%	8,938.40	1.03
CMWG1906	MBS	12/16/2019	61	5:1	158,070	2512.7%	3.0 triệu	20.37%	2,850	2,690	-0.74%	1,431.10	1.88
CREE1901	MBS	11/19/2019	34	3:1	98,360	-51.0%	3.0 triệu	23.33%	1,260	1,050	-0.94%	299.40	3.51
CFPT1904	MBS	11/19/2019	34	3:1	31,970	10.5%	3.0 triệu	20.21%	1,700	2,570	-1.91%	1,930.30	1.33
CVHM1901	KIS	2/7/2020	114	4:1	9,810	71.2%	5.0 triệu	27.26%	3,100	3,340	-2.62%	1,074.90	3.11
CSTB1901	KIS	1/9/2020	85	1:1	150,520	5.9%	1.5 triệu	20.68%	1,390	1,680	-3.45%	589.50	2.85
CVJC1901	KIS	2/26/2020	133	10:1	8,840	1478.6%	5.0 triệu	16.12%	1,800	2,640	-4.35%	1,818.60	1.45
CDPM1901	KIS	1/9/2020	85	1:1	12,170	-5.2%	1.5 triệu	26.94%	1,900	2,750	-4.84%	1,546.30	1.78
CVRE1901	KIS	11/14/2019	29	2:1	46,570	212.6%	2.5 triệu	26.13%	1,900	450	-15.09%	0.10	4,500.00
CVIC1901	KIS	11/14/2019	29	5:1	18,550	-43.7%	2.0 triệu	20.92%	1,960	670	-15.19%	0.70	957.14
CHPG1902	KIS	12/11/2019	56	5:1	175,930	-33.9%	6.0 triệu	28.43%	1,000	100	-16.67%	-	n/a
CHPG1906	KIS	11/14/2019	29	2:1	142,210	13.8%	5.0 triệu	28.43%	1,500	190	-17.39%	0.10	1,900.00
CMSN1901	KIS	11/14/2019	29	5:1	112,860	-32.6%	1.8 triệu	22.65%	1,920	800	-23.81%	8.30	96.39
Tổng:					1,807,000		65.2 triệu	22.11%**					
Chú thích:		*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes							CR: Tỷ lệ chuyển đổi				
		Lãi suất phi rủi ro là 4.75%							Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn				
		**Trung bình độ lệch chuẩn											

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 16/10/2019, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch giảm nhẹ.

- Về giá, CMSN1901 và CHPG1906 giảm mạnh nhất lần lượt là -23.81% và -17.39%. Thanh khoản thị trường giảm nhẹ - 4.78%. CVNM1901 tiếp tục có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 28% thị trường.

- Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là FPT và MWG, hầu hết các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CMWG1904, CFPT1902, và CFPT1903 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CMWG1902 và CFPT1902 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. VNM vận động tăng mạnh, kiểm tra ngưỡng 130, sau khi tích lũy tại vùng 126-129. Thanh khoản tăng tích cực những phiên gần đây và các chỉ báo kỹ thuật cũng cho thấy tín hiệu tăng ngắn hạn. Vận động tăng của VNM có thể tạo động lực tăng lên giá chứng quyền của cổ phiếu này trong những phiên tới.

Tổ Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VNM	130.40	1.64	1.48
TCB	24.45	0.82	0.63
PNJ	81.90	2.38	0.47
VCB	86.10	1.06	0.37
CTG	21.90	0.92	0.08

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
MSN	77.8	-0.51	-0.26
VIC	118.0	-0.34	-0.24
VJC	139.0	-0.43	-0.23
MWG	125.1	-0.32	-0.16
REE	37.1	-1.72	-0.15

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hóa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVNM1901	46,340	156,285	130,400
CVNM1902	152,333	133,333	130,400
CFPT1903	56,154	45,140	57,500
CMWG1904	165,000	90,000	125,100
CHPG1905	93,300	23,100	21,300
CNVL1901	69,688	62,088	62,000
CMWG1905	122,000	94,000	125,100
CMWG1903	25,800	95,000	125,100
CMBB1902	26,300	21,800	23,300
CMWG1902	48,130	90,000	125,100
CMWG1906	135,150	120,900	125,100
CREE1901	41,330	37,550	37,050
CFPT1904	57,100	52,000	57,500
CVHM1901	102,288	89,888	86,400
CSTB1901	12,278	10,888	11,050
CVJC1901	163,678	145,678	139,000
CDPM1901	15,888	13,988	15,100
CVRE1901	44,688	40,888	31,850
CVIC1901	150,688	140,888	118,000
CHPG1902	166,285	41,999	21,300
CHPG1906	31,088	28,088	21,300
CMSN1901	98,488	88,888	77,800

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	125.1	-0.3%	0.7	2,408	1.8	7,893	15.8	5.3	49.0%	38.6%
PNJ	Bán lẻ	81.9	2.4%	1.0	793	2.2	4,727	17.3	4.5	49.0%	27.9%
BVH	Bảo hiểm	71.8	0.3%	1.3	2,188	0.3	1,505	47.7	3.3	25.3%	6.8%
PVI	Bảo hiểm	32.8	0.0%	0.7	330	0.1	3,061	10.7	1.1	52.5%	10.7%
VIC	Bất động sản	118.0	-0.3%	1.1	17,166	1.2	1,643	71.8	4.8	15.2%	8.3%
VRE	Bất động sản	31.9	0.0%	1.1	3,225	2.6	1,033	30.8	2.6	31.6%	8.8%
NVL	Bất động sản	62.0	-0.2%	0.8	2,508	1.2	3,579	17.3	2.9	7.4%	17.8%
REE	Bất động sản	37.1	-1.7%	1.0	499	2.6	5,261	7.0	1.2	49.0%	18.1%
DXG	Bất động sản	16.4	-0.9%	1.4	377	0.6	3,744	4.4	1.1	46.5%	27.0%
SSI	Chứng khoán	21.6	-0.2%	1.3	476	1.3	1,997	10.8	1.2	57.1%	10.9%
VCI	Chứng khoán	35.0	0.3%	1.0	250	0.0	5,067	6.9	1.6	38.3%	24.7%
HCM	Chứng khoán	23.4	0.2%	1.5	310	0.6	1,434	16.3	1.7	56.1%	11.1%
FPT	Công nghệ	57.5	0.2%	0.8	1,696	2.1	4,349	13.2	2.9	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	44.5	0.0%	0.4	481	0.0	4,156	10.7	2.7	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	101.2	0.0%	1.5	8,421	0.6	6,066	16.7	4.3	3.6%	26.9%
PLX	Dầu khí	58.1	-0.9%	1.5	3,008	0.7	3,350	17.3	3.4	13.3%	20.1%
PVS	Dầu khí	18.5	-0.5%	1.7	384	1.1	2,397	7.7	0.7	22.4%	10.0%
BSR	Dầu khí	9.7	1.0%	0.8	1,308	0.6	1,163	8.3	1.0	41.1%	11.0%
DHG	Dược	92.0	0.2%	0.5	523	0.2	4,616	19.9	3.9	54.3%	20.2%
DPM	Hóa chất	15.1	-1.3%	0.7	257	0.3	853	17.7	0.8	19.1%	5.0%
DCM	Hóa chất	7.6	-0.3%	0.6	174	0.2	897	8.4	0.6	2.5%	7.3%
VCB	Ngân hàng	86.1	1.1%	1.3	13,884	2.5	4,729	18.2	4.2	23.8%	25.6%
BID	Ngân hàng	41.2	-0.6%	1.5	6,117	1.2	2,091	19.7	2.6	3.4%	13.7%
CTG	Ngân hàng	21.9	0.9%	1.6	3,545	3.9	1,470	14.9	1.1	30.0%	7.8%
VPB	Ngân hàng	22.6	0.0%	1.2	2,409	3.5	2,989	7.5	1.4	23.2%	20.6%
MBB	Ngân hàng	23.3	-0.2%	1.1	2,312	3.0	3,215	7.2	1.5	21.6%	21.7%
ACB	Ngân hàng	24.4	0.0%	1.1	1,720	2.2	4,469	5.5	1.3	44.3%	26.4%
BMP	Nhựa	53.7	-0.6%	0.9	191	0.3	5,017	10.7	1.8	78.8%	17.1%
NTP	Nhựa	39.9	0.5%	0.3	155	0.1	4,490	8.9	1.5	21.0%	18.0%
MSR	Tài nguyên	16.8	1.2%	1.2	657	0.0	732	23.0	1.2	2.0%	5.6%
HPG	Thép	21.3	-0.2%	1.0	2,557	2.4	2,760	7.7	1.3	37.6%	19.9%
HSG	Thép	7.1	-0.8%	1.5	131	1.5	425	16.7	0.6	17.5%	3.3%
VNM	Tiêu dùng	130.4	1.6%	0.8	9,873	7.5	5,465	23.9	8.0	59.0%	35.0%
SAB	Tiêu dùng	256.0	-0.3%	0.8	7,138	0.1	6,735	38.0	9.4	63.4%	27.1%
MSN	Tiêu dùng	77.8	-0.5%	1.2	3,954	1.1	3,304	23.6	2.9	40.3%	15.6%
SBT	Tiêu dùng	18.8	-0.3%	0.5	478	1.0	542	34.6	1.7	6.0%	4.9%
ACV	Vận tải	77.0	-1.2%	0.8	7,288	0.3	2,630	29.3	5.5	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	139.0	-0.4%	1.1	3,166	2.0	9,850	14.1	5.4	19.9%	43.3%
HVN	Vận tải	35.8	0.1%	1.7	2,205	0.8	1,747	20.5	2.8	9.9%	13.4%
GMD	Vận tải	26.4	0.0%	0.8	341	0.2	1,888	14.0	1.3	49.0%	9.4%
PVT	Vận tải	16.8	-1.2%	0.6	206	0.3	2,435	6.9	1.2	30.7%	17.7%
VCS	Vật liệu xây dựng	84.0	-2.3%	0.9	573	0.6	7,667	11.0	4.3	2.1%	44.1%
VGC	Vật liệu xây dựng	19.3	-0.3%	0.8	376	0.1	1,327	14.5	1.3	13.5%	9.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.6	0.6%	0.8	259	0.0	1,657	9.4	1.1	6.1%	11.7%
CTD	Xây dựng	89.0	-0.9%	0.7	295	0.2	13,535	6.6	0.8	48.8%	13.4%
VCG	Xây dựng	26.5	-0.4%	1.1	509	0.3	1,352	19.6	1.8	0.0%	9.9%
CII	Xây dựng	24.5	-0.2%	0.5	263	0.9	387	63.2	1.2	52.1%	1.9%
POW	Điện	13.2	2.7%	0.6	1,339	2.6	820	16.0	1.3	14.3%	7.8%
NT2	Điện	23.0	-0.2%	0.6	287	0.2	2,241	10.2	1.6	19.8%	16.9%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VNM	130.40	1.64	1.08	1.32MLN
VCB	86.10	1.06	0.98	668740.00
POW	13.15	2.73	0.24	4.52MLN
CTG	21.90	0.92	0.22	4.12MLN
TCB	24.45	0.82	0.21	2.03MLN

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DL1	28.20	8.46	0.11	100.00
NVB	8.60	1.18	0.04	918800.00
CEO	9.70	2.11	0.03	357900.00
HUT	2.60	4.00	0.02	6.00MLN
IVS	11.80	9.26	0.02	55700.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	118.00	-0.34	-0.40	224670.00
BID	41.15	-0.60	-0.25	650130.00
PLX	58.10	-0.85	-0.19	267570.00
SAB	256.00	-0.31	-0.15	11950.00
MSN	77.80	-0.51	-0.14	323340.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCS	84.00	-2.33	-0.07	156600.00
SJE	22.50	-10.00	-0.04	1000.00
PGS	33.00	-2.94	-0.03	300.00
PVS	18.50	-0.54	-0.03	1.40MLN
VNR	17.90	-5.79	-0.02	1900.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
OPC	48.20	6.99	0.03	540.00
VPH	4.47	6.94	0.01	82190.00
HUB	20.85	6.92	0.01	2690.00
SSC	71.10	6.92	0.02	10.00
TPC	9.29	6.90	0.00	200.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACM	0.50	25.0	0.01	61900.00
HPM	8.90	9.9	0.00	300.00
PIA	34.50	9.9	0.01	100.00
CLM	15.70	9.8	0.01	100.00
VTs	20.20	9.8	0.00	200.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TCO	12.00	-6.98	-0.01	10.00
VPK	2.14	-6.96	0.00	25620.00
AGF	2.70	-6.90	0.00	1040.00
HRC	41.00	-6.82	-0.03	630.00
PTC	6.43	-6.81	0.00	30.00

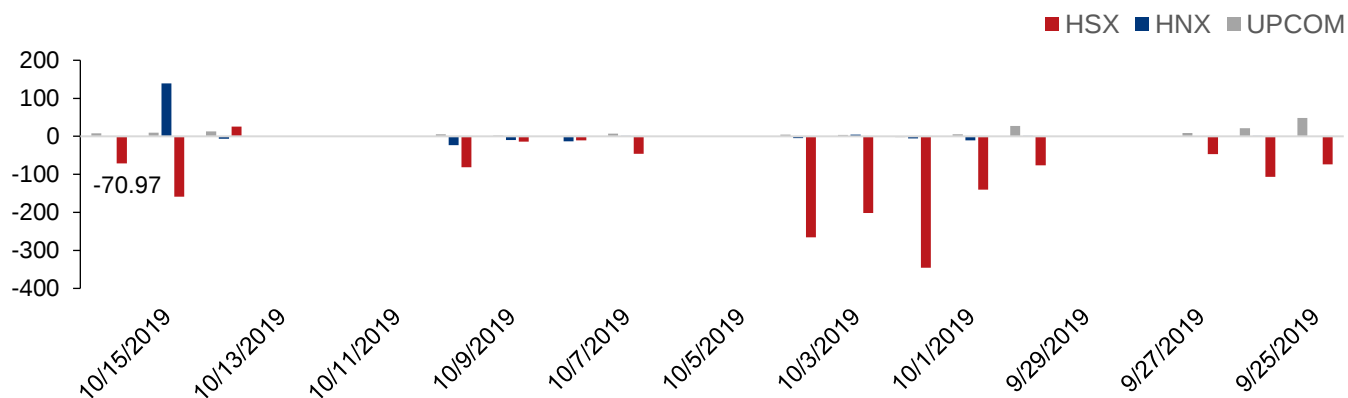
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SJE	22.50	-10.00	-0.04	1000.00
VC6	9.00	-10.00	0.00	100.00
VNC	32.40	-10.00	-0.02	8600.00
C69	19.50	-9.72	-0.02	505700.00
VMS	6.70	-9.46	0.00	8100.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



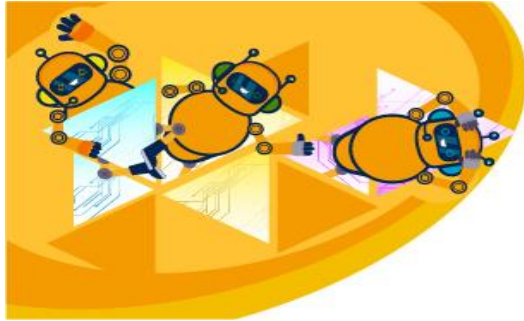
Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
2	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
3	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
4	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
5	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
6	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
7	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
8	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hồi	Phân tích vĩ mô		Click
9	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
10	2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
11	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
12	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
13	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
14	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
15	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
16	VM_M11_Giao dịch giảm co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click
17	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click
18	Vĩ mô_ Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click
19	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
20	Vĩ mô_Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	PC1	Điện	Mua mạnh	14/10/2019	20.0	29.1	19.6	2,582	7.6	0.9	Click
2	TRC	Cap su	Theo dõi	10/1/2019	38.0	N/a	39.0	3,672	10.6	0.7	Click
3	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	30/09/2019	78.5	82.7	77.8	3,304	23.6	2.9	Click
4	VNM	Tiêu dùng	Theo dõi	27/09/2019	130.0	142.1	130.4	5,465	23.9	8.0	Click
5	TPB	Ngân hàng	Theo dõi	27/09/2020	22.3	26.0	22.4	2,680	8.4	1.6	Click
6	REE	Công nghiệp	Mua	27/09/2021	39.5	48.0	37.1	5,261	7.0	1.2	Click
7	VHC	Thủy sản	Mua	25/09/2019	79.0	93.5	80.2	18,865	4.3	1.6	Click
8	LCG	Xây dựng	Mua	25/09/2019	9.6	11.3	8.5	2,076	4.1	0.6	Click
9	ACB	Ngân hàng	Mua	23/09/2019	22.2	26.3	24.4	4,469	5.5	1.3	Click
10	DIG	Bất động sản	Mua	23/09/2019	13.6	16.3	14.6	1,098	13.3	1.2	Click
11	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	17/09/2019	81.9	90.0	86.1	4,729	18.2	4.2	Click
12	DRC	Cao su	Theo dõi	13/09/2019	22.4	25.5	24.3	1,723	14.1	1.8	Click
13	MBB	Ngân hàng	Mua	9/10/2019	22.6	N/a	23.3	3,215	7.2	1.5	Click
14	DBD	Y tế	Theo dõi	9/5/2019	47.4	N/a	55.5	2,801	19.8	3.3	Click
15	GMD	Cảng biển	Mua	30/08/2019	27.9	37.6	26.4	1,888	14.0	1.3	Click
16	PAC	Hóa chất	Theo dõi	22/08/2018	30.1	28.5	27.5	3,705	7.4	2.0	Click
17	FPT	CNTT	Mua mạnh	22/08/2019	54.0	75.3	57.5	4,349	13.2	2.9	Click
18	GVR	Cao su	Mua	21/08/2019	16.5	19.2	13.6	649	21.0	1.2	Click
19	MWG	Bán lẻ	Mua	20/08/2019	117.9	171.4	125.1	7,893	15.8	5.3	Click
20	PNJ	Bán lẻ	Mua	8/9/2019	84.8	97.2	81.9	4,727	17.3	4.5	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express FPT 2019Q4	3/10/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 73500; Giá tại Publish 56500 Về Chuyển đổi số ở FPT (1) Trong nội bộ FPT: gồm 3 mục tiêu chính (a) new model (b) tăng trải nghiệm khách hàng và © tối ưu hóa chi phí. Trong đó, F-Soft tập trung vào (a), F-Tel tập trung vào (b). Tiến độ: Đã hoàn thành kế hoạch cụ thể. Trong Q4.2019, thực hiện và triển khai. Đầu năm sẽ đưa ra kết quả nhưng điều làm được và kết quả. (2) Trong hợp tác với khách hàng: tập trung vào các dự án Chuyển đổi số. Khách hàng nước ngoài: biên LNTT của dự án CDS khoảng 19-20% (so với 16 – 17% LNTT dự án truyền thống). Khách hàng trong nước: mới làm việc với một số doanh nghiệp và đa có nhưng dự án và kế hoạch sơ bộ CDS chủ yếu đều từ các khách hàng cũ, chủ yếu ở các lĩnh vực: automatics, logistics, utility.
Express CTI 2019Q4	2/10/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 24650 Về định hướng 3 năm tới Phát triển khu công nghiệp (1 cụm vs 1 khu KCN): (1) Cách ghi nhận: đều từng năm (2) 1 cụm 48 ha ở Tân An Vinh Cầu để #ây dựng cho thuê. Giá cho thuê quanh đó: 55 USD/50 năm. (3) 1 khu 640 ha (đang trình thủ tướng thành 750 ha): mới hoàn thành 14 ha. Năm 2020 đột biến về DT: (1) Ghi nhận doanh thu BOT 319 Nhơn Trạch (2) Ghi nhận dự án Bất động sản Khu dân cư (Lợi nhuận 30%). CTI phụ trách thi công hạ tầng, giao đất, hiện đang tìm đối tác phân phối độc quyền. DT dự kiến ghi nhận là 1,300 tỷ. (3) Dự kiến ghi nhận Nhà ở xã hội: đã bán và đóng thuế tạm tính nhưng chưa ghi nhận doanh thu (330 tỷ - 2 block).
Express CSV 2019Q4	30/9/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 23450 Kết quả kinh doanh Q3.2019 (1) DT Q3 337 tỷ LNTT 74 tỷ (2) Dự kiến LNTT kế hoạch 2020 250 bil (3) Hoàn thành dự án thay thế điện phân và duy trì được sản lượng ổn định và tăng công suất 10 – 15%. Về giá bán các sản phẩm giá bán vẫn cạnh tranh với xuất nhập khẩu (1) Giá xuất nhập khẩu giảm do dư cung ở thị trường thế giới với mức 12,253,000 VND/tấn với xuất 100%. (2) Giá Axit clo 2,354,000 vnd/tấn +16% YoY. (3) Các sản phẩm khác giá bán duy trì, không thấp hơn so với 2018
Express VHC 2019Q4	27/9/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 79500 Về hoạt động kinh doanh Q4.2019: (1) Giá bán của các thị trường bình ổn như Q3. (2) Hợp đồng ký trong Q4 đã hoàn tất và dự kiến sản lượng ký bán tăng khá nhiều (mùa tiêu thụ như VHC kỳ vọng). (3) Số T7 + T8 giảm (chứ ko tăng như kỳ vọng trước của công ty) do việc đẩy sản lượng Trung Quốc để bù phần của Mỹ không được như kỳ vọng (do văn hóa khác nhau). (4) Các hợp đồng ký cho năm 2020 đang được thương thảo: giá kỳ vọng ổn định
Express ANV 2019Q4	25/9/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 26200 Về KQKD 9T: (1) Lũy kế 9T, DT đạt 3,105 tỷ (+13.5% YoY), LNTT đạt 594 tỷ (+71.2% YoY). Trong đó, riêng Q3 đạt 1,130 tỷ (+7.4% YoY) và LNTT đạt 185 tỷ (+40% YoY). Như vậy, công ty đã hoàn thành tương ứng 66% KH DT và 72% KH LNTT. (2) Biên LNG mở rộng do (1) tăng tự chủ mảng thức ăn; (2) chi phí đầu vào giảm. Về công suất hoạt động (1) Công suất cá giống: 20,000 cặp cá bố mẹ, tạo ra hơn 20 tỷ con giống/năm. Công ty đang tự chủ 30% nhu cầu con giống, dự kiến tăng lên 70% năm 2020 và 100% năm 2021. (2) Diện tích vùng nuôi: 250ha (+600ha vùng nuôi Bình Phú) -> sản lượng cung cấp tối đa là 320,000 tấn/năm. (3) Công suất nhà máy: Đang hoạt động 400 tấn/1,200 tấn/ngày

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn